

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - ĐỒNG NAI**

Bản án số: 04/2025/DS-ST
Ngày 19-7-2025
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Mai Phương
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nông Thị Giới
Bà Vũ Thị Dung

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Dung - Kiểm sát viên.

Các ngày 19/6/2025 và 19/7/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B cũ (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đồng Nai) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2025/TLST - DS ngày 11/3/2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐST- DS ngày 09 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2025/QĐST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2025 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 19/2025/QĐST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần N (V)

Địa chỉ trụ sở: Tầng 1 và tầng 2, Tòa nhà S - 1A, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V - Chức vụ Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền của ông Hàn Ngọc V: Ông Nguyễn Đình Th - Chức vụ: Giám đốc Khối mạng lưới kinh doanh Ngân hàng bán lẻ.

Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đình Th: Ông Lê Việt T - Chức vụ: Giám đốc thu hồi nợ trực tiếp và Xử lý nợ vùng Nam Hồ Chí Minh, Khối mạng lưới kinh doanh Ngân hàng bán lẻ.

Bà Bà Trần Thị Thu H – Chức vụ: Giám đốc Trung tâm xử lý nợ Ngân hàng bán lẻ Miền Nam.

Địa chỉ liên hệ: Tầng 1 và tầng 2, Tòa nhà S – 1A, phường S, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Trần Thị Thu H tham gia tố tụng:

Ông Đỗ Tiến Đ, sinh năm 1997- Cán bộ Ngân hàng (Có mặt)

Địa chỉ liên hệ: 176 Na, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Phan Thị S1, sinh năm 1976 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 20, khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Nay là tổ 20, khu phố P, phường B, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 18/12/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, đại diện uỷ quyền của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần N (V) tham gia tố tụng ông Đỗ Tiến Đ trình bày:

Vào ngày 19/9/2022, Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần N (V) có ký hợp đồng cho vay số 98586886.22 (kèm phụ lục hợp đồng), theo đó, Ngân hàng có cho bà Phan Thị S1, địa chỉ: Tổ 20, khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước vay số tiền: 550.000.000 (Năm trăm năm mươi triệu) đồng, thời hạn vay: 60 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên (ngày 22/9/2022). Mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán tiền mua chiếc xe ô tô hiệu HUYNDAI, số loại NEW PORTERH 150, số khung RLUXEX7KANN012461, số máy N369099D4CB, biển số 93H- 035.67, sản xuất mới 100%. Hình thức chuyển khoản vào tài khoản bên thụ hưởng. Lãi suất tại thời điểm giải ngân 13.1%/ năm. Trả nợ lãi vào ngày 30 hàng tháng. Trả phí theo quy định của Ngân hàng N theo từng thời kỳ. Ngân hàng N đã giải ngân cho bà Phan Thị S1 theo Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 6223737.22 ký ngày 19/9/2022 với số tiền 550.000.000 (Năm trăm năm mươi triệu) đồng.

Để bảo đảm cho khoản vay trên, bà Phan Thị S1 đã ký Hợp đồng thế chấp số 8866028.22 cùng ngày 19/9/2022 đối với: Quyền sở hữu chiếc xe ô tô con, nhãn hiệu hiệu hiệu HUYNDAI, số loại NEW PORTERH 150, số khung RLUXEX7KANN012461, số máy N369099D4CB, biển số 93H- 035.67, sản xuất mới 100%, tên chủ xe Phan Thị S1, sinh năm 1976 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Bình Phước cấp. Hợp đồng thế chấp số 8866028.22 cùng ngày 19/9/2022 đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Trong thời gian vay vốn, thực hiện hợp đồng bà S1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, khoản vay chuyển nợ quá hạn từ ngày 30/10/2023 và đang xếp loại nợ nhóm 5 là nợ xấu theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 31/2024/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Tạm tính đến ngày 19/6/2025, số tiền bà S1 đã thanh toán được cho Ngân hàng N là 188.121.364 (Một trăm tám mươi tám triệu một trăm hai mươi một nghìn ba trăm sáu mươi bốn) đồng, trong đó: nợ gốc là 110.004.000 (Một trăm

mười triệu không trăm linh bốn nghìn) đồng; nợ lãi là 78.117.364 (Bảy mươi tám triệu một trăm mười bảy nghìn ba trăm sáu mươi bốn) đồng.

Số tiền thực tế tạm tính đến hết ngày 19/6/2025 của bà S1 đối với Ngân hàng là: 611.113.637 (Sáu trăm mười một triệu một trăm mười ba nghìn sáu trăm ba mươi bảy) đồng, bao gồm: Nợ gốc: 439.996.000 (Bốn trăm ba mươi chín triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn) đồng. Nợ lãi trong hạn: 34.455.181 (Ba mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn một trăm tám mươi một) đồng. Nợ lãi quá hạn: 126.662.456 (Một trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm năm mươi sáu) đồng.

Phía Ngân hàng đã liên hệ nhiều lần yêu cầu bà S1 có nghĩa vụ thanh toán gốc và lãi vay quá hạn, nhưng bà Sinh vẫn không thực hiện việc thanh toán. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề cụ thể như sau:

1. Buộc bà Phan Thị S1 phải thanh toán ngay cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần N (V) số tiền tạm tính đến ngày 19/6/2025 là: 611.113.637 (Sáu trăm mười một triệu một trăm mười ba nghìn sáu trăm ba mươi bảy) đồng, bao gồm:

- Nợ gốc: 439.996.000 (Bốn trăm ba mươi chín triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn) đồng.

- Nợ lãi trong hạn: 34.455.181 (Ba mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn một trăm tám mươi một) đồng.

- Nợ lãi quá hạn: 126.662.456 (Một trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm năm mươi sáu) đồng

2. Ngân hàng N tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 20/6/2025 cho đến khi bà Phan Thị S1 thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ đã ký (Chi tiết tại HĐTD số 9858686.22 ngày 19/9/2022, Đơn đề nghị giải ngân kèm kế ước nhận nợ số 6223737.22 ngày 19/9/2022).

Bị đơn Bà Phan Thị S1: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Phan Thị S1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bà Phan Thị S1 vắng mặt, không nêu ý kiến phản đối, không đến Tòa án để cung cấp bản tự khai, trình bày ý kiến và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác. Ngày 10/4/2025, Tòa án đã tiến hành xác minh tại khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước (nay là khu phố P, phường B, tỉnh Đồng Nai) và được cung cấp thông tin: Bà Phan Thị S1, sinh năm 1976 có hộ khẩu thường trú tại tổ 20, khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước, tuy nhiên hiện nay bà Sinh đã đi khỏi địa phương. Do đó, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không tham gia giải quyết vụ án, không chấp hành theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không lý do, nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự; các Điều 90, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần N (V) đối với bà Phan Thị S1 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Buộc bà Phan Thị S1 phải thanh toán ngay cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần N (V) số tiền tạm tính đến ngày 19/6/2025 là: 611.113.637 (Sáu trăm mười một triệu một trăm mười ba nghìn sáu trăm ba mươi bảy) đồng, bao gồm: Nợ gốc: 439.996.000 (Bốn trăm ba mươi chín triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn) đồng. Nợ lãi trong hạn: 34.455.181 (Ba mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn một trăm tám mươi một) đồng. Nợ lãi quá hạn: 126.662.456 (Một trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm năm mươi sáu) đồng.

Đồng thời, bà Phan Thị S1 phải tiếp tục chịu lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 20/6/2025 cho đến khi bà Phan Thị S1 thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ đã ký (Chi tiết tại HĐTD số 9858686.22 ngày 19/9/2022, Đơn đề nghị giải ngân kiêm kế ước nhận nợ số 6223737.22 ngày 19/9/2022) cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần N (V).

- Về án phí sơ thẩm: Bà Phan Thị S1 phải chịu theo quy định, Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần N (V), không phải chịu án phí và chi phí tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần N (V) khởi kiện bị đơn bà Phan Thị S1 yêu cầu thanh toán khoản tiền vay do vi phạm nghĩa vụ trả nợ, HĐXX xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, bị đơn bà Phan Thị S1 có nơi cư trú tại tổ 20, khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước (nay khu phố P, phường B, tỉnh Đồng Nai). Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đồng Nai.

Bị đơn bà Phan Thị S1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Phan Thị S1.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn cung cấp và Tòa án đã thu thập nhận thấy: Bà Phan Thị S1 có ký kết với Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần N (V) Hợp đồng tín dụng số 98586886.22 (kèm phụ lục hợp đồng) ngày 19/9/2022, hợp đồng tín dụng đôi bên giao kết có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 117, Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 nên có hiệu lực thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng. Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần N (V) đã giải ngân cho bà Phan Thị S1 theo Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 6223737.22 ký ngày 19/9/2022 với số tiền 550.000.000 (Năm trăm năm mươi triệu) đồng, mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua chiếc xe ô tô hiệu HUYNDAI, số loại NEW PORTERH 150, số khung RLUXEX7KANN012461, số máy N369099D4CB, biển số 93H- 035.67, sản xuất mới 100%. Hình thức chuyển khoản vào tài khoản bên thụ hưởng. Lãi suất tại thời điểm giải ngân 13.1%/ năm. Trả nợ lãi vào ngày 30 hàng tháng. Trả phí theo quy định của Ngân hàng N theo từng thời kỳ.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Sinh đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và khoản vay chuyển nợ quá hạn từ ngày 30/10/2023, đang xếp loại nợ nhóm 5 là nợ xấu theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 31/2024/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Tạm tính đến ngày 19/6/2025, số tiền khách hàng thanh toán được cho Ngân hàng N là 188.121.364 (Một trăm tám mươi tám triệu một trăm hai mươi một nghìn ba trăm sáu mươi bốn) đồng, trong đó: nợ gốc là 110.004.000 (Một trăm mười triệu không trăm linh bốn nghìn) đồng; nợ lãi là 78.117.364 (Bảy mươi tám triệu một trăm mười bảy nghìn ba trăm sáu mươi bốn) đồng.

Dự nợ thực tế tạm tính đến hết ngày 19/6/2025: là: 611.113.637 (Sáu trăm mười một triệu một trăm mười ba nghìn sáu trăm ba mươi bảy) đồng, bao gồm: Nợ gốc: 439.996.000 (Bốn trăm ba mươi chín triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn) đồng. Nợ lãi trong hạn: 34.455.181 (Ba mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn một trăm tám mươi một) đồng. Nợ lãi quá hạn: 126.662.456 (Một trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm năm mươi sáu) đồng.

Phía bà Phan Thị S1 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, giấy triệu tập làm việc nhưng không có văn bản ghi ý kiến, cũng như không đến Tòa án nhân dân thị xã B (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đồng Nai) theo giấy triệu tập để trình bày ý kiến, như vậy, bà Phan Thị S1 đã “không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu ...” mà bên Ngân hàng đưa ra. Chính vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đồng Nai công nhận những tình tiết, sự kiện và tài liệu do Ngân hàng đưa ra có giá trị chứng minh.

Đồng thời, quá trình giao kết hợp đồng hai bên đã có thỏa thuận mức lãi quá hạn, lãi chậm trả trong Hợp đồng và phụ lục hợp đồng cũng như khế ước nhận nợ, nên bà Phan Thị S1 phải có nghĩa vụ thực hiện đúng thỏa thuận theo hợp đồng. Ngân hàng yêu cầu bà Phan Thị S1 phải trả toàn bộ số tiền khi án có hiệu lực pháp luật; yêu cầu tính lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi bà Phan Thị S1 thanh toán xong khoản nợ, phù hợp Điều 466 Bộ luật dân sự, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Như vậy, trong quá trình thực hiện hợp đồng do bà Sinh đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại Điều 3 của Hợp đồng tín dụng số 98586886.22 (kèm phụ lục hợp đồng) ngày 19/9/2022, khoản vay chuyển nợ quá hạn từ ngày 30/10/2023. Do đó, theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 và khoản 4 Điều 13 thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016, nên theo quy định bà Phan Thị S1 phải trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần N (V) số tiền vay gồm nợ gốc và lãi theo yêu cầu.

Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[3] Xét hợp đồng thế chấp tài sản: Để bảo đảm cho khoản vay trên, bà Phan Thị S1 đã ký Hợp đồng thế chấp số 8866028.22 cùng ngày 19/9/2022 đối với: Quyền sở hữu chiếc xe ô tô con, nhãn hiệu hiệu hiệu HUYNDAI, số loại NEW PORTERH 150, số khung RLUXEX7KANN012461, số máy N369099D4CB, biển số 93H- 035.67, sản xuất mới 100%, do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Bình Phước cấp đứng tên chủ xe bà Phan Thị S1. Hợp đồng thế chấp số 8866028.22 cùng ngày 19/9/2022 đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ theo quy định của pháp luật. Nội dung, hình thức Hợp đồng thế chấp phù hợp pháp luật, hợp đồng có hiệu lực từ thời điểm các bên ký kết hợp đồng. Tuy nhiên, do Ngân hàng không có yêu cầu Tòa án xem xét đối với việc xử lý tài sản bảo đảm, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn bà Phan Thị S1 phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần N (V) không phải chịu án phí, nên được hoàn trả

lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 317, 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự; các điều 90, 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần N (V) đối với bị đơn bà Phan Thị S1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

- Buộc bà Phan Thị S1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần N (V) tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 19/6/2025 là: 611.113.637 (Sáu trăm mười một triệu một trăm mười ba nghìn sáu trăm ba mươi bảy) đồng, bao gồm:

- Nợ gốc: 439.996.000 (Bốn trăm ba mươi chín triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn) đồng.

- Nợ lãi trong hạn: 34.455.181 (Ba mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn một trăm tám mươi một) đồng.

- Nợ lãi quá hạn: 126.662.456 (Một trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm năm mươi sáu) đồng

- Bà Phan Thị S1 phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ đã ký (Chi tiết tại HĐTD số 9858686.22 ngày 19/9/2022, Đơn đề nghị giải ngân kiêm kế ước nhận nợ số 6223737.22 ngày 19/9/2022), kể từ ngày 20/6/2025 đến ngày trả dứt nợ.

2. Về án phí: Nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần N (V) không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần N (V) số tiền 12.923.247 (Mười hai triệu chín trăm hai mươi ba nghìn hai trăm bốn mươi bảy) đồng tạm ứng án phí đã nộp (Biên lai thu số 0002427 ngày 07/3/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã B nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 10 – Đồng Nai). Bị đơn bà Phan Thị S1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 28.444.545 (Hai mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm bốn mươi lăm) đồng. Bà Phan Thị S1 liên hệ Phòng thi hành án dân sự khu vực 10 – Đồng Nai để thực hiện nghĩa vụ đóng tiền án phí theo quy định.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ này bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 10 - Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Phòng THADS khu vực 10 - Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ (10 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Ngọc Mai Phương